

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 20-3-2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.

2. Ông Nguyễn Văn Ta.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 223/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1972; Địa chỉ nơi cư trú: ấp PT, xã AL, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Trần Chí H, sinh năm 1982; (Có mặt)

2.2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Ngọc T, trình bày: Vào tháng 4/2012, vợ chồng anh Trần Chí H và chị Phạm Thị L có mua máy vi tính của anh, số lượng là 08 bộ máy với giá 6.000.000 đồng/bộ, tổng số tiền là 48.000.000 đồng, sau khi thanh toán được 28.4000.000 đồng anh H và chị L còn nợ của anh là 19.600.000 đồng. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh H và chị L phải trả nợ cho anh nhưng anh H và chị L lại hứa lần lựa không trả. Đến đầu tháng 01/2017, anh H và chị L đến thỏa thuận với anh trả nợ tổng cộng vốn và lãi được tính đến ngày 15/01/2017 là 36.000.000 đồng và hứa đến ngày 15/01/2017 sẽ trả dứt, có làm cam kết nợ. Nhưng chưa đến ngày 15/01/2017 thì vào ngày 13/01/2017, anh H và chị L lại đến năn nỉ anh kéo dài đến ngày 22/01/2017 sẽ trả vốn và lãi là 37.000.000 đồng. Nhưng đến ngày 22/01/2017, anh H và chị L lại không trả và hứa lần lựa cho đến nay vẫn không trả mặc dù anh đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu phải trả. Do vậy, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng anh H và chị L trả cho anh số nợ gốc là 37.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 22/01/2017 đến ngày 22/10/2018 với lãi suất cứ 5.000.000 đồng mỗi tháng lãi là 100.000 đồng, với 21 tháng, tổng cộng lãi là 14.700.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi có bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa, anh xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi, anh chỉ yêu cầu anh H và chị L trả cho anh số nợ là 37.000.000 đồng, ngoài ra không còn có yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Chí H trình bày: Vào tháng 4/2012, vợ chồng anh và chị Phạm Thị L có mua máy vi tính của anh Trần Ngọc T, sau khi thanh toán anh và chị L còn nợ của anh T là 19.600.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên anh chưa trả số tiền nợ cho anh T. Đến ngày, anh và chị L chốt nợ với anh T là 37.000.000 đồng. Nay anh đồng ý cùng chị L trả số tiền này cho anh T.

Đối với chị Phạm Thị L, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T; buộc anh

Trần Chí H và chị Phạm Thị L liên đới trả lại cho anh Trần Ngọc T số tiền 37.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu số tiền lãi 14.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nhưng có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết, vì vậy tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản trong vụ án này được quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T yêu cầu, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Trần Chí H đã thừa nhận việc mua bán máy vi tính với của anh T, số lượng là 08 bộ máy với giá 6.000.000 đồng/bộ, tổng số tiền là 48.000.000 đồng, sau khi thanh toán được 28.4000.000 đồng anh H và chị L còn nợ của anh T là 19.600.000 đồng, sau đó 02 bên chốt nợ anh H và chị L còn nợ lại anh T số tiền 37.000.000 đồng và anh H cũng đồng ý trả số tiền này cho anh T. Ngoài ra, anh H cho rằng số tiền nợ này là do vợ chồng anh và chị Lan cùng mua và làm ăn nên anh và chị L có trách nhiệm cùng trả cho anh Triệu số tiền 37.000.000 đồng. Qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc chị L và anh H liên đới trả lại cho anh T số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu tiền lãi, tại phiên tòa anh Trần Ngọc T rút lại yêu cầu anh Trần Chí H và chị Phạm Thị L liên đới trả số tiền lãi 14.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của anh T hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và bị đơn anh H không có ý kiến nên đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của anh T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn

được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, anh H và chị L chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 37.000.000 đồng x 5% là 1.850.000 đồng; anh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 428, 438 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T.

1.1. Buộc anh Trần Chí H và chị Phạm Thị L liên đới trả cho anh Trần Ngọc T tiền mua máy vi tính còn nợ là 37.000.000 đồng.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T về việc yêu cầu anh Trần Chí H và chị Phạm Thị L liên đới trả số tiền lãi 14.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Anh Trần Chí H và chị Phạm Thị L liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.850.000 đồng.

2.2. Anh Trần Ngọc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 1.292.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004095 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Ngọc T, bị đơn anh Trần Chí H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Phạm Thi L vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng